

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày 31/5/2022

*“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con
chung giữa anh R và chị T”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Diễn và Ông Phạm Ngọc Túy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 30/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc R, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Bị đơn: Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện G, Thành phố Hải Phòng.

(Tại phiên tòa có mặt anh R, vắng mặt chị T – có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/3/2022, đơn lựa chọn Tòa án giải quyết ngày 28/02/2022 và tại phiên tòa và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc R trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Thu T tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 30/3/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh. Quá trình chung sống đến tháng 8/2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 10/2020, chị T đã bỏ về Thôn L, xã X, huyện G, Thành phố Hải Phòng sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó

cho đến nay. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, anh xin ly hôn chị T.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị Thu T không có con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn lựa chọn Tòa án giải quyết ngày 28/02/2022, đơn xin giải quyết vắng mặt tại Tòa án ngày 17/4/2022 bị đơn chị Trần Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận thời gian, điều kiện hoàn cảnh kết hôn thời gian, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian vợ chồng ly thân như anh Nguyễn Ngọc R đã trình bày là đúng. Nay anh R có đơn xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh R không còn, chị nhất trí ly hôn với anh R.

Về con chung: Chị xác nhận chị và anh R không có con chung. Hiện tại, chị không có thai nghén gì.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Ngọc R khởi kiện ly hôn với chị Trần Thị Thu T. Do chị T là bị đơn cư trú tại Thôn L, xã X, huyện G, Thành phố Hải Phòng, cả anh R và chị T đều có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Q là Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Q, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Ngọc R và chị Trần Thị Thu T xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân xã N cấp đăng ký kết hôn số 23 ngày 30/3/2013 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến tháng 8/2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 10/2020, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thành phố Hải Phòng sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh R xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, anh xin ly hôn chị T. Chị T cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh R không còn, chị nhất trí ly hôn anh R. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị T không có mặt, chị T không có thiện chí hòa giải đoàn tụ, mặt khác thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh R và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân của anh chị thực tế chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, vì vậy cần xử cho anh R được ly hôn chị T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Ngọc R và chị Trần Thị Thu T không có con chung. Hiện tại, chị T không có thai nghén gì .

[4] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Ngọc R và chị Trần Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên về tài sản chung Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc R phải chịu cả tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Ngọc R và chị Trần Thị Thu T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Ngọc R được ly hôn chị Trần Thị Thu T.

2.Về con chung: Anh Nguyễn Ngọc R và chị Trần Thị Thu T không có con chung.

3.Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4.Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc R phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng anh R đã nộp theo biên lai thu số 0004607 ngày 10 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q được chuyển thành tiền án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Ngọc R có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị Thu T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục thi hành án dân sự h.Quỳnh Phụ;
- Nơi đăng ký kết hôn:UBND xã N, h.Quỳnh Phụ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên
(Đã ký)